

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

-----  
Bản án số: 22/2017/KDTM-PT

Ngày 20 tháng 9 năm 2017

V/v “ Tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ  
trong hoạt động mua bán doanh nghiệp”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Chí Trung

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Khánh Nguyệt

Ông Đặng Văn Mạnh

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thuý Hằng-Cán bộ TAND TP Đà Nẵng.

***-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:*** Bà Đặng Ngọc  
Hoài Linh-Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2017/TLPT-KDTM ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc “*Tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ trong hoạt động mua bán doanh nghiệp*”, do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 07/2017/KDTM-ST ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2017/QĐPT-KDTM ngày 10 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2017/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2017 giữa:

***- Nguyên đơn:*** Công ty Cổ phần BT-I.

Địa chỉ: Đường C, thành phố K, tỉnh N.

Địa chỉ liên lạc: X3 đường S, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng.

*Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:*

Ông Ngô Văn L-Chức vụ: Tổng Giám Đốc công ty.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn* (giấy ủy quyền số: 233 ngày 14/6/2016): Bà Nguyễn Thị Ngọc A-Kế toán trưởng công ty (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:*

Luật sư Đ-Văn phòng Luật sư PL-Đoàn Luật sư thành phố M; Địa chỉ: X/4A THĐ, phường B, quận S, thành phố M (có mặt).

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Q-Đ.

Địa chỉ: Đường C, phường T, thành phố K.

Địa chỉ Chi nhánh: X50 đường Ô, quận K, thành phố Đà Nẵng.

*Người đại diện theo pháp luật của bị đơn:*

Ông Phạm Văn C-Chức vụ: Tổng Giám đốc công ty.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* (giấy ủy quyền số: 20/GUQ-CT ngày 19/9/2017): Ông Trịnh D-Phụ trách Phòng Kế hoạch (có mặt).

*-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ủy ban nhân dân tỉnh N.

Trụ sở số: X2 đường V, thành phố K, tỉnh N.

*Người đại diện theo pháp luật:*

Ông Đinh Văn T-Chủ tịch UBND tỉnh N (vắng mặt).

2/ Công ty Cổ phần AVM.

Trụ sở: X89 L, quận K, thành phố Đà Nẵng.

*Người đại diện theo pháp luật:*

Ông Nguyễn Văn Q-Tổng Giám Đốc công ty.

Chỗ ở: X89 L, phường K, quận K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

3/ Công ty TNHH KTV.

Trụ sở: Lô X92, đường B, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng.

*Người đại diện theo pháp luật:*

Ông Nguyễn Văn S-Tổng Giám đốc công ty.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* (giấy uỷ quyền số: 10-16/ATAX-UQ ngày 14/6/2016): Bà Võ Thị T-Phó Tổng Giám đốc công ty (có mặt).

4/ Công ty Cổ phần TĐ Đà Nẵng.

Trụ sở: X26 đường D, quận C, thành phố Đà Nẵng.

*Người đại diện theo pháp luật:*

Bà Dương Thị Mỹ L-Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc (vắng mặt).

5/ Công ty TNHH T.D.K

Trụ sở: XA tầng Y, khu nhà ở H, phường H, quận G, thành phố N.

Địa chỉ Chi nhánh Đà Nẵng: X2 đường T, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

6/ Ông Nguyễn Hữu K; Địa chỉ: X7 đường H, phường C, quận C, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

7/ Ông Phan Đức T; Địa chỉ: X25C đường P, quận C, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

8/ Bà Phan Thị Dạ T; Địa chỉ: X1 đường H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

*Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần Q-Đ.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*-Tại đơn khởi kiện và các biên bản hòa giải Công ty Cổ phần BT-I trình bày:*

Công ty Cổ phần BT-I có bán bê tông cho Công ty QN MTV (gọi tắt là Công ty N). Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 30 tháng 6 năm 2011 Công ty N xác nhận tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2011 còn nợ Công ty Cổ phần BT-I số tiền nợ gốc là 2.067.818.087đ.

Công ty QN MTV là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, thuộc chủ sở hữu là Ủy ban nhân dân tỉnh N.

Ngày 17/8/2011 Ủy ban nhân dân tỉnh N đã chủ trương bán Công ty QN MTV cho Công ty Cổ phần AVM theo Hợp đồng mua bán doanh nghiệp số: 01/XDQN-AVM.

Tại thời điểm bán Công ty QN MTV, Công ty Cổ phần BT-I không được biết và không được tham gia để có ý kiến về quyền và nghĩa vụ của mình.

Đến khoảng cuối năm 2011 đầu năm 2012 khi tiếp tục đi đòi nợ thì Công ty Cổ phần BT-I mới được biết là sau khi được Công ty Cổ phần AVM mua lại thì Công ty QN MTV đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Q-Đ.

Tại Hợp đồng mua bán doanh nghiệp số: 01/XDQN-AVM ngày 17 tháng 8 năm 2011 giữa Công ty QN MTV với Công ty Cổ phần AVM và Biên bản bàn giao hồ sơ, tài sản ngày 30 tháng 9 năm 2011 giữa Công ty Cổ phần AVM với Công ty Cổ phần Q-Đ thể hiện số công nợ này Công ty Cổ phần Q-Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần BT-I, vì vậy Công ty Cổ phần BT-I đã có Công văn số: 976/CV-CT ngày 14 tháng 2 năm 2011 gửi Công ty Cổ phần Q-Đ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ thanh toán số nợ 2.067.818.087đ cho Công ty Cổ phần BT-I trước ngày 25 tháng 12 năm 2011. Công ty Cổ phần Q-Đ đã có Công văn số: 65 ngày 22 tháng 12 năm 2011 xác nhận có tiếp nhận công nợ này khi nhận bàn giao với Công ty QN MTV.

Tuy nhiên Công ty Cổ phần Q-Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán mà yêu cầu tiến hành rà soát lại quá trình phát sinh công nợ để hai bên đối chiếu lại.

Công ty Cổ phần BT-I đã có Công văn số: 01/CVPL/2012 ngày 06 tháng 01 năm 2012 gửi Công ty Cổ phần Q-Đ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán số công nợ nói trên, hạn chót vào ngày 16 tháng 01 năm 2012. Công ty Cổ phần Q-Đ đã có Công văn số: 12/VC-XDQ-Đ ngày 19 tháng 01 năm 2012 xác nhận việc Công ty Cổ phần BT-I yêu cầu thanh toán số công nợ 2.067.818.087đ là chính xác và có cơ sở nhưng xin gia hạn thời hạn thanh toán đến ngày 19 tháng 3 năm 2012.

Công ty Cổ phần BT-I đã có Công văn số: 10/CVPL/2012 ngày 27 tháng 02 năm 2012 chấp nhận thời gian xin gia hạn nợ của Công ty Cổ phần Q-Đ nhưng sau đó Công ty Cổ phần Q-Đ lại có Công văn số: 34/CV-XDQ-Đ ngày 14 tháng 3 năm 2012 xin gia hạn lần nữa, đến tháng 6/2012.

Việc bị đơn yêu cầu kiểm toán, Tòa án trung cầu Công ty TNHH T.D.K thực hiện kiểm toán đối với khoản nợ phát sinh có tranh chấp giữa các bên thì Công ty Cổ phần BT-I không có ý kiến gì tuy nhiên kết quả kiểm toán Công ty TNHH T.D.K chỉ có tính chất tham khảo, không phải là căn cứ để bị đơn có yêu cầu phản tố để bù trừ nghĩa vụ trả nợ.

Nay Công ty Cổ phần BT-I yêu cầu Công ty Cổ phần Q-Đ thanh toán số tiền 2.067.818.087đ và lãi suất chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/năm tính từ ngày 01/10/2011 đến ngày 13/02/2017 là 999.273.091đ. Tổng cộng số tiền phải trả 3.067.091.178đ và yêu cầu trả một lần.

Đối với yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần Q-Đ, nguyên đơn không đồng ý vì đã hết thời hạn khiếu nại, hết thời hiệu khởi kiện.

*-Đại diện Công ty Cổ phần Q-Đ trình bày:*

Hợp đồng mua bán Doanh nghiệp số: 01/XDQN-AVM ngày 17/8/2011 giữa Công ty QN MTV với Công ty Cổ phần AVM thực hiện theo Quyết định số: 2446/QĐ-UBND ngày 02/8/2011 của UBND tỉnh N về việc phê duyệt phương án bán Công ty QN MTV.

Sau khi các bên hoàn tất về thủ tục mua bán, bên bán Công ty QN MTV tiến hành bàn giao toàn bộ hồ sơ sổ sách chứng từ, tài sản cho bên mua Công ty Cổ phần AVM bao gồm khoản công nợ phải thu, công nợ phải trả được thể hiện tại biên bản bàn giao hồ sơ, tài sản ngày 22/8/2011 có khoản công nợ phải trả dài hạn cho bên Công ty Cổ phần BT-I là 2.067.818.087đ. Trong đó bên giao chịu trách nhiệm về mọi số liệu đã bàn giao, đảm bảo tính chính xác và phù hợp với quy định về công tác tài chính doanh nghiệp.

Việc kế thừa nghĩa vụ trả nợ từ Công ty QN MTV sang cho Công ty Cổ phần AVM theo Hợp đồng mua bán doanh nghiệp số 01/XDQN-AVM ngày 17/8/2011 giữa Công ty QN MTV (bên bán) và Công ty Cổ phần AVM (bên mua) nói trên thì Công ty chúng tôi xác nhận Công ty Cổ phần AVM đã kế thừa nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần BT-I.

Việc ký kết hợp đồng mua bán doanh nghiệp có kế thừa nghĩa vụ trả nợ thì tại thời điểm ký kết thì bên chủ nợ là Công ty Cổ phần BT-I không có tham gia ký kết, còn việc biết hay không biết việc kế thừa nghĩa vụ thì công ty chúng tôi cũng không rõ.

Sau khi ký kết hợp đồng mua bán doanh nghiệp nói trên, ngày 23/9/2011 Công ty Cổ phần Q-Đ được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty QN MTV, theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 23/9/2011 do Phòng Đăng ký Kinh doanh-Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh N cấp.

Ngày 30 tháng 9 năm 2011, Công ty Cổ phần AVM tiếp tục ký với Công ty Cổ phần Q-Đ biên bản bàn giao hồ sơ, tài sản Công ty QN MTV, để chuyển giao sổ sách và chứng từ kế toán; hồ sơ công trình; tài sản cố định; công cụ dụng cụ; quyền và nghĩa vụ trả nợ đối với các chủ nợ và khách nợ trong đó có bàn giao khoản công nợ phải trả cho Công ty Cổ phần BT-I 2.067.818.087đ. Việc bàn giao về nội dung trên thì Công ty Cổ phần BT-I là bên có quyền cũng không tham gia ký kết; còn việc biết hay không biết việc chuyển nghĩa vụ thì công ty chúng tôi cũng không rõ.

Khoản công nợ 2.067.818.087đ phát sinh trong quan hệ mua bán bê tông từ năm 2003 đến năm 2010 giữa bên mua là Công ty QN MTV nay là Công ty Cổ phần Q-Đ với bên bán là Công ty Cổ phần BT-I nhưng do quan hệ mua bán bê tông giữa hai đơn vị không có hợp đồng kinh tế, phụ lục bổ sung khối lượng phân tăng so với hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn giá trị gia tăng không có chữ ký, do vậy tính pháp lý về hồ sơ khoản nợ không đầy đủ.

Qua kết quả báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH T.D.K ngày 03/10/2016 thì số tiền không có chứng từ hợp lý 2.563.669.626đ. Do vậy Công ty Cổ phần Q-Đ từ chối thanh toán số tiền 2.067.818.087đ do nguyên đơn yêu cầu.

Trước yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần BT-I thì Công ty Cổ phần Q-Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố về việc bù trừ nghĩa vụ từ chối thanh toán đối với khoản công nợ 2.067.818.087đ mà bên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thực hiện. Riêng đối với các khoản tiền còn thừa bị đơn không có yêu cầu đòi lại đối với nguyên đơn.

*-Đại diện UBND tỉnh N trình bày:*

Công ty QN MTV là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, thuộc chủ sở hữu là Ủy ban nhân dân tỉnh N.

Thực hiện chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh N về bán doanh nghiệp 100% vốn nhà nước theo quy định tại Nghị định số: 109/2008/NĐ-CP ngày 10/10/2008 của Chính phủ, ngày 17/8/2011 Công ty QN MTV (bên bán) đã ký với Công ty Cổ phần AVM (bên mua) Hợp đồng số: 01/XDQN-AVM mua bán doanh nghiệp là Công ty QN MTV.

Việc xác định giá trị doanh nghiệp là do Công ty QN MTV thuê Công ty Cổ phần TĐ Đà Nẵng thực hiện và giá bán Công ty QN MTV là 0đ.

Nay Công ty Cổ phần BT-I yêu cầu Công ty Cổ phần Q-Đ phải trả số nợ 2.067.818.087đ và lãi suất chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/năm tạm tính từ ngày 01/10/2011 đến 13/02/2017 với số tiền là 999.273.091đ. Tổng cộng 3.067.091.178đ thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân tỉnh N không có yêu cầu độc lập đối với nguyên đơn và bị đơn.

*-Công ty TNHH KTV trình bày:*

Thực hiện hợp đồng được ký kết giữa Công ty QN MTV và Công ty TNHH KTV về việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty QN MTV, chúng tôi đã kiểm tra số liệu và phát hành báo cáo kiểm toán. Trong đó thể hiện đầy đủ ý kiến của chúng tôi về báo cáo tài chính của đơn vị. Dịch vụ kiểm toán được thực hiện phù hợp với quy định của Nghị định: 105/2004/NĐ-CP ngày 30/3/2004 của Chính phủ về kiểm toán độc lập và các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam hiện hành.

Khoản công nợ giữa Công ty QN MTV và Công ty Cổ phần BT-I đã phát sinh từ lâu (năm 2006 trở về trước). Trong giai đoạn này chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán cho Công ty QN MTV nên không có trách nhiệm kiểm tra chi tiết các chứng từ, sổ sách của đơn vị. Tại thời điểm kiểm toán chúng tôi xem xét các khoản nợ căn cứ vào sổ sách kế toán và biên bản đối chiếu công nợ thể hiện số tiền mà Công ty QN MTV phải trả cho Công ty Cổ phần BT-I lũy kế đến ngày 31/12/2006 là 6.276.384.480đ.

Ngày 18/6/2007 hai bên tiến hành lập “*Biên bản làm việc*” trong đó thống nhất chuyển một phần khoản nợ phải trả với số tiền là 3.000.000.000đ thành khoản nợ dài hạn và chịu lãi (theo lãi suất vay dài hạn của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đà Nẵng).

Ngày 01/9/2008 tiếp tục lập “*Biên bản làm việc*” thống nhất chuyển khoản nợ phải trả còn lại với số tiền 2.432.234.940đ thành khoản nợ trung hạn và chịu tính lãi. (Các nội dung biên bản làm việc được sự phê duyệt thống nhất của hai bên).

Trong quá trình hoạt động, Công ty QN MTV trả dần nợ cho Công ty Cổ phần BT-I và cuối năm đều có biên bản đối chiếu xác nhận công nợ.

Từ thời điểm 30/6/2009 đến ngày 31/3/2011 (thời điểm kiểm toán) số nợ còn lại được hai bên xác nhận là 2.067.817.837đ không biến động phù hợp trên sổ kế toán.

Tóm lại qua việc đối chiếu số liệu, thu thập các biên bản đối chiếu công nợ giữa hai bên và xem xét các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, chúng tôi không thấy có sai sót trọng yếu nào của khoản công nợ phải trả của Công ty QN MTV đối với Công ty Cổ phần BT-I làm ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính trong việc thực hiện hợp đồng kiểm toán.

Một lần nữa chúng tôi khẳng định việc thực hiện kiểm toán của chúng tôi hoàn toàn tuân thủ đúng theo quy định của Nghị định: 105/2004/NĐ-CP ngày 30/3/2004 của Chính phủ về kiểm toán độc lập và chuẩn mực kiểm toán Việt Nam hiện hành. Việc thực hiện kiểm toán của đơn vị chúng tôi là do bên Công ty QN MTV yêu cầu kiểm toán từ năm 2007 trở về sau này. Còn từ thời điểm 2003 đến năm 2006 chúng tôi không kiểm toán. Đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

*-Công ty Cổ phần TĐ Đà Nẵng trình bày:*

Công ty Cổ phần TĐ Đà Nẵng xác định giá trị doanh nghiệp đối với Công ty QN MTV, theo Hợp đồng dịch vụ số: 01/XĐGTDN ngày 27/5/2011.

-Căn cứ quy định tại Thông tư số: 202/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 và thông tư số: 146/207/TT-BTC ngày 06/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số vấn đề tài chính khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số: 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ, trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và biên bản đối chiếu công nợ tại thời điểm 31/3/2011, Công ty đã ban hành biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 02/7/2011, nêu rõ: Sau khi Công ty QN MTV bán doanh nghiệp, đơn vị mua phải có trách nhiệm kế thừa toàn bộ công nợ phải thu, tạm ứng và công nợ phải trả theo danh sách do đơn vị bán đã cung cấp, trong đó có khoản nợ trên.

-Về việc đối chiếu xác minh làm rõ bản chất, nguồn gốc, quá trình hình thành phát sinh khoản nợ nói trên để thực hiện quyền và nghĩa vụ thanh toán

không thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của đơn vị xác định giá trị doanh nghiệp, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*-Ông Nguyễn Hữu K trình bày:*

Nguyên trước đây tôi là Tổng giám đốc Công ty QN MTV. Từ năm 2003 đến lúc bán doanh nghiệp, Công ty QN MTV có ký nhiều hợp đồng mua bán bê tông với Công ty Cổ phần BT-I để thi công các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh N và Đà Nẵng.

Toàn bộ công nợ phát sinh trong việc mua bán bê tông đều có văn bản chứng từ đầy đủ và được thường xuyên đối chiếu công nợ giữa hai bên. Hàng năm đều có kiểm toán, quyết toán thuế đầy đủ.

Do tình hình khó khăn về tài chính của Công ty QN MTV nên việc trả nợ kéo dài nhiều năm thanh toán không dứt điểm cho Công ty Cổ phần BT-I. Công ty Cổ phần BT-I nhiều lần đòi nợ nhưng Công ty QN MTV không đủ điều kiện để thanh toán nên các bên thống nhất chuyển sang nợ vay trung hạn để trả lãi cho bên Công ty Cổ phần BT-I theo lãi suất ngân hàng quy định. Đây là mấu chốt của vấn đề phát sinh nợ vay dài hạn của Công ty QN MTV đối với Công ty Cổ phần BT-I được thể hiện qua chứng từ sổ sách kế toán cho đến thời điểm bán doanh nghiệp bàn giao lại cho đơn vị mới đó là Công ty Cổ phần Q-Đ.

Tất cả các nội dung chi tiết, chứng từ liên quan đều có trong hồ sơ lưu của hai công ty. Nội dung hạch toán, đối chiếu công nợ đã được thông qua các cơ quan: Kiểm toán độc lập (nằm trong danh sách do Bộ tài chính quy định); đơn vị Bộ Tài chính, Sở Tài chính N và các cơ quan liên quan của tỉnh N. Nội dung trên nằm trong hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp đã được UBND tỉnh N phê duyệt đúng theo trình tự thủ tục do pháp luật quy định.

Về việc mua bán vật tư nói chung, bê tông nói riêng có thể có hoặc không ký hợp đồng, tùy theo mức độ rủi ro của từng việc mua bán cụ thể, việc xác định khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng, tuy các bên không làm bổ sung ký kết phụ

lục hợp đồng nhưng dựa vào thực tế khối lượng được các bên xác nhận theo chứng từ gốc là thanh toán hợp lệ.

Nay với tư cách là nguyên Tổng giám đốc Công ty QN MTV tôi thừa nhận khoản công nợ trên là có thật. Tuy nhiên có thể do thiếu sót một số hóa đơn, chứng từ có thể không phù hợp như thiếu tên người, thiếu chữ ký, ghi không đầy đủ tên họ, đây là thiếu sót của bộ phận nghiệp vụ thì có thể chấp nhận được. Trong trường hợp các bên chưa thống nhất thì đề nghị làm việc lại với các đơn vị kiểm toán, đơn vị định giá tài sản, Sở Tài chính N, các đơn vị liên quan và UBND tỉnh N. Do vậy yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần BT-I đối với Công ty Cổ phần Q-Đ là chính đáng phù hợp, bên mua lại doanh nghiệp có nghĩa vụ kế thừa thanh toán. Còn việc đơn vị mua lại doanh nghiệp cho rằng khoản công nợ, chứng từ không hợp lệ và phản tố để bù trừ nghĩa vụ từ chối thanh toán khoản công nợ này đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

*-Ông Phan Đức T trình bày:*

Tôi nguyên là Chủ tịch HĐQT Công ty QN MTV và công ty trực thuộc đơn vị chủ quản UBND tỉnh N.

Do làm ăn thua lỗ và không có tài chính để sản xuất kinh doanh nên Công ty QN MTV được UBND tỉnh N cho phép lập thủ tục bán công ty với hình thức kế thừa theo Nghị định: 109/NĐ-CP của Chính phủ.

Trước khi thực hiện việc bán doanh nghiệp công ty thuê Công ty TNHH KTV kiểm toán chứng từ hồ sơ, sổ sách, đồng thời thuê Công ty Cổ phần TĐ Đà Nẵng tiến hành thực hiện việc xác định giá trị doanh nghiệp, hai đơn vị này do Công ty chọn và được UBND tỉnh N phê duyệt.

Sau khi hai đơn vị thực hiện xong việc kiểm toán và xác định giá trị doanh nghiệp, Sở Tài chính, Hội đồng thẩm định tỉnh N thẩm định và thông qua Hội đồng bán doanh nghiệp của UBND tỉnh, trình UBND tỉnh N phê duyệt phương án bán doanh nghiệp, Công ty phụ thuộc toàn bộ vào kết quả của đơn vị kiểm toán, xác định giá trị doanh nghiệp cũng như kết quả thẩm định phê duyệt của

UBND tỉnh N cho phép bán. Nói chung về trình tự, thủ tục mua bán doanh nghiệp thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về số công nợ giữa Công ty QN MTV với Công ty Cổ phần BT-I được thể hiện trong xác định giá trị doanh nghiệp là có thật, số nợ này phát sinh từ việc các bên thực hiện hợp đồng mua bán bê tông từ năm 2003 đến 31/5/2011. Do không có tiền trả nợ nên công ty chuyển sang nợ vay dài hạn. Vì vậy, tôi nhận thấy kết quả xác định giá trị doanh nghiệp đã tin tưởng. Còn việc bị đơn (bên mua doanh nghiệp) khiếu nại cho rằng chứng từ, hồ sơ, số liệu bên bán bàn giao qua cho bên mua chưa rõ ràng và kiểm toán lại thì vấn đề này do UBND tỉnh N quyết định điều chỉnh lại thể nào thì chúng tôi chịu trách nhiệm thể đó.

Về phía cá nhân tôi thừa nhận có ký một hợp đồng vay dài hạn lúc đó với tư cách Chủ tịch HĐQT (tuy nhiên ký thông qua ủy quyền), còn chứng từ giấy ủy quyền thất lạc thì đó là sai sót khi bàn giao.

Nay theo tôi việc Công ty Cổ phần BT-I kiện đòi nợ đối với Công ty Cổ phần Q-Đ là đúng vì khi bán mang tính kế thừa, do vậy bên mua phải chịu trách nhiệm vấn đề này. Tuy nhiên để có một số liệu chính xác Công ty Cổ phần BT-I và Công ty Cổ phần Q-Đ nên tiến hành kiểm toán đối chiếu lại số công nợ rõ ràng minh bạch thì sẽ thuận lợi hơn trong việc giải quyết yêu cầu của các bên, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

*-Bà Phan Thị Dạ T trình bày:*

Tôi nguyên là kế toán trưởng của Công ty QN MTV. Được sự đồng ý của UBND tỉnh N, Công ty QN MTV được bán lại cho Công ty Cổ phần AVM. Nghĩa vụ của bên mua là kế thừa công nợ phải thu và phải trả khách hàng. Tại thời điểm bàn giao công nợ được xác định giữa hai bên mua và bên bán có công nợ phải trả dài hạn của Công ty Cổ phần BT-I với số nợ là: 2.067.818.087đ.

Khoản nợ trên của Công ty QN MTV nợ từ mua bán hàng (bê tông), nhưng do khoản nợ kéo dài nhiều năm nên Công ty QN MTV chuyển sang nợ vay dài hạn và chấp nhận trả tiền lãi hàng tháng. Nợ mua hàng được chuyển

sang vay dài hạn tính từ 20/6/2007 là 3.000.000.000đ đến thời điểm bàn giao Công ty QN MTV cho Công ty Cổ phần AVM, nay là Công ty Cổ phần Q-Đ còn lại 2.067.818.087đ.

Tại thời điểm bàn giao Công ty QN MTV, được sự đồng ý của Công ty Cổ phần AVM, tôi được giữ lại làm việc và tiếp tục giữ công việc tài chính của công ty, vì vậy tôi vừa là người bàn giao và cũng đồng thời là người nhận.

Tại thời điểm 20/6/2007 chuyển công nợ khách hàng sang khoản nợ vay dài hạn hai bên đã lập biên bản và chấp nhận khoản nợ trên. Tôi đã thôi việc công ty ngày 31/01/2012 và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, án sơ thẩm đã xử và quyết định:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 306 của Luật thương mại; Căn cứ Điều 154 của Luật doanh nghiệp 2005; Căn cứ các Điều 290, Điều 315 của Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần BT-I đối với bị đơn Công ty Cổ phần Q-Đ. Tuyên xử:

Buộc Công ty Cổ phần Q-Đ phải trả cho Công ty Cổ phần BT-I tổng số tiền 3.067.091.178đ, trong đó nợ tiền gốc 2.067.818.087đ, nợ tiền lãi 999.273.091đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 93.341.824đ bị đơn, Công ty Cổ phần Q-Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, Công ty Cổ phần BT-I không phải chịu án phí KDTM sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần BT-I 40.317.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo BL thu số: 004827 ngày 06 tháng 4 năm 2012 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Đà Nẵng.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phản tố; 36.678.000đ đã nộp theo BL thu số: 002061 ngày 05 tháng 01 năm 2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Đà Nẵng cho bị đơn Công ty Cổ phần Q-Đ do yêu cầu bù trừ nghĩa vụ từ chối thanh toán đối với khoản công nợ 2.067.818.087đ không phải là yêu cầu phản tố.

Chi phí kiểm toán 50.000.000đ bị đơn Công ty Cổ phần Q-Đ phải chịu. Số tiền trên bị đơn đã tạm ứng chi trả cho đơn vị kiểm toán Chi nhánh Công ty TNHH T.D.K theo phiếu thu số: T001 ngày 24/01/2015.

Ngoài ra bản án còn thông báo về quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 23 tháng 5 năm 2017, Công ty Cổ phần Q-Đ kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì không đúng thẩm quyền và buộc Công ty Cổ phần Q-Đ trả nợ là không có căn cứ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Tại Bản án số: 07/2017/KDTM-ST ngày 09 tháng 5 năm 2017, Tòa án nhân dân quận K, thành phố Đà Nẵng đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần BT-I, buộc Công ty Cổ phần Q-Đ phải trả cho Công ty Cổ phần BT-I tổng số tiền là: 3.067.091.178đ.

[2] Ngày 23 tháng 5 năm 2017 Công ty Cổ phần Q-Đ kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét về thẩm quyền giải quyết vụ án là không thuộc thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân quận K, thành phố Đà Nẵng và không đồng ý với quyết định bản án sơ thẩm về việc buộc Công ty Cổ phần Q-Đ trả cho Công ty Cổ phần BT-I số tiền 3.067.091.178đ vì qua kiểm toán thì Công ty Cổ phần BT-I không có chứng từ hợp pháp đối với số tiền 2.563.000.000đ, trong đó có số tiền Công ty Cổ phần Q-Đ nợ.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án thì thấy: Căn cứ các hợp đồng được ký kết giữa Công ty Cổ phần BT-I với Công ty QN MTV thì giữa Công ty Cổ phần BT-I và Công ty QN MTV thỏa thuận là khi có tranh chấp xảy ra, các bên có quyền yêu cầu Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án tại thành phố Đà Nẵng giải quyết. Như vậy các bên đã thống nhất chọn thành phố Đà Nẵng là nơi giải quyết tranh chấp, phù hợp với điểm b, khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Bên cạnh đó, khi Tòa án nhân dân quận K tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng tại địa chỉ: X50 đường K, thành phố Đà Nẵng thì Công ty Cổ phần Q-Đ đã nhận các văn bản và tham gia các phiên hòa giải, xét xử, không có khiếu nại. Điều này chứng tỏ Công ty Cổ phần Q-Đ có nơi làm việc tại X50 đường Ô, quận K, thành phố Đà Nẵng. Ngoài ra, tại Phiếu xác minh, do Công an phường T, thành phố K, tỉnh N thực hiện thì thể hiện Công ty Cổ phần Q-Đ không còn trụ sở tại đường C, phường T, thành phố K, tỉnh N, phù hợp với Công văn số: 32 ngày 18 tháng 7 năm 2014 do Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Q-Đ ký, xác định nơi là việc của Cổ phần Q-Đ là X50 đường Ô, quận K, thành phố Đà Nẵng. Theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì trong trường hợp Công ty Cổ phần BT-I không biết trụ sở của Công ty Cổ phần Q-Đ thì có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận K, thành phố Đà Nẵng, là nơi có trụ sở, làm việc của Công ty Cổ phần Q-Đ. Do đó, Công ty Cổ phần Q-Đ kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm do vi phạm về thẩm quyền là không có căn cứ.

[4] Về số tiền mà Công ty Cổ phần Q-Đ phải trả cho Công ty Cổ phần BT-I: Từ năm 2003 đến năm 2011 Công ty Cổ phần BT-I và Công ty QN MTV ký các hợp đồng về việc Công ty BT-I bán bê tông cho Công ty QN MTV. Đến ngày 31/3/2011 hai bên đã xác nhận công nợ, theo đó Công ty QN MTV nợ Công ty Cổ phần BT-I số tiền: 2.067.818.087đ. Thực hiện chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc bán doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước tại Nghị định số: 109/2008/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định, ngày 17 tháng 8 năm 2011, Công ty QN MTV được bán cho Công ty Cổ phần AVM theo Hợp đồng mua bán Doanh nghiệp số: 01/XDQN-AVM. Ngày 22 tháng 8 năm 2011, Công ty QN MTV và Công ty Cổ phần AVM lập biên bản bàn giao Công ty QN MTV cho Công ty Cổ phần AVM. Theo đó, Công ty Cổ phần AVM có trách nhiệm: Tiếp nhận hồ sơ doanh nghiệp, sổ sách, chứng từ các khoản công nợ phải thu, nợ phải trả, nợ thuế, nợ ngân sách, nợ cán bộ công nhân viên, nợ bảo hiểm xã hội.....trong đó có khoản nợ Công ty Cổ phần BT-I theo “*Biên bản giao nhận công nợ vay dài hạn*” ngày 22 tháng 8 năm 2011. Trước đó, vào ngày 01 tháng 7 năm 2011 do Sở Xây dựng tỉnh N tổ chức, Công ty QN MTV và Công ty Cổ phần AVM đã thống nhất công nợ tại Biên bản công nợ phải trả, trong đó có công nợ Công ty Cổ phần BT-I số tiền: 2.067.818.087đ. Khi chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ Công ty QN MTV cho Công ty Cổ phần AVM không có sự tham gia ý kiến của Công ty BT-I. Đến cuối năm 2011 đầu năm 2012 khi thu hồi nợ thì Công ty Cổ phần BT-I mới biết là sau khi được Công ty Cổ phần AVM mua lại từ chủ sở hữu là Ủy ban nhân dân tỉnh N thì Công ty QN MTV đổi tên là Công ty Cổ phần Q-Đ.

[5] Tháng 9 năm 2011 Công ty Cổ phần AVM tiếp tục bàn giao hồ sơ, tài sản của Công ty QN MTV cho Công ty Cổ phần Q-Đ, theo “*Biên bản bàn giao hồ sơ tài sản Công ty QN MTV*” ngày 30 tháng 9 năm 2011. Tại Điểm 5 Mục B của Biên bản bàn giao hồ sơ tài sản Công ty QN MTV xác định: “*Công ty Cổ phần Q-Đ chịu trách nhiệm về quyền và nghĩa vụ đối với các chủ nợ và khách*

*nợ do Công ty Cổ phần AVM bàn giao từ Công ty QN MTV*". Khi Công ty Cổ phần AVM chuyển giao công nợ của Công ty Cổ phần BT-I cho Công ty Cổ phần Q-Đ, Công ty Cổ phần BT-I không biết nhưng sau này Công ty Cổ phần BT-I vẫn đồng ý để Công ty Cổ phần Q-Đ trả nợ là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 315 Bộ luật dân sự năm 2005 là: *"Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ dân sự cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý"*. Theo quy định tại khoản 2, Điều 315 Bộ luật dân sự 2005 là: *"Khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ"*, do đó Công ty Cổ phần BT-I khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Q-Đ trả số tiền nợ là có cơ sở và phù hợp với việc Công ty Cổ phần Q-Đ đã có Công văn số: 65 ngày 22 tháng 12 năm 2011 xác nhận có tiếp nhận công nợ của Công ty Cổ phần BT-I khi nhận bàn giao với Công ty QN MTV và Công văn số: 12/VC-XDQNDN ngày 19 tháng 01 năm 2012 xác nhận việc Công ty Cổ phần BT-I yêu cầu thanh toán số công nợ 2.067.818.087đ là chính xác và có cơ sở nhưng xin gia hạn thời hạn thanh toán đến ngày 19 tháng 3 năm 2012.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Công ty Cổ phần Q-Đ cho rằng: Khi kiểm toán do Công ty Cổ phần BT-I không có chứng từ hợp lệ đối với số tiền 2.563.000.000đ nên không có căn cứ để buộc Công ty Cổ phần Q-Đ trả số tiền 2.067.818.087đ, là không có cơ sở vì việc kiểm toán không liên quan gì đến việc khởi kiện của Công ty Cổ phần BT-I, không làm thay đổi công nợ giữa Công ty Cổ phần Q-Đ và Công ty Cổ phần BT-I mà đã được các bên đối chiếu, xác nhận công nợ và chuyển giao nghĩa vụ như đã phân tích trên.

[7] Cấp sơ thẩm buộc Công ty Cổ phần Q-Đ trả cho Công ty Cổ phần BT-I số tiền 2.067.818.087đ và tiền lãi do chậm thanh toán là phù hợp với điều 290 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 306 Luật thương mại. Tại cấp phúc thẩm không có tài liệu, chứng cứ gì mới để làm thay đổi nội dung vụ án và quyết định bản án sơ thẩm, HĐXX không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Công ty Cổ phần Q-Đ giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại

phiên tòa. Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên Công ty Cổ phần Q-Đ phải chịu án phí KDTM phúc thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí KDTM phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

**1/** Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Q-Đ. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 07/2017/KDTM-ST ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 306 của Luật Thương mại; Điều 154 của Luật doanh nghiệp 2005; Các Điều 290, Điều 315 của Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**1.1.** Chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần BT-I về việc “*Tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ trong hoạt động mua bán doanh nghiệp*” đối với Công ty Cổ phần Q-Đ.

**1.2.** Buộc Công ty Cổ phần Q-Đ phải trả cho Công ty Cổ phần BT-I số tiền: 3.067.091.178đ (ba tỉ, không trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm chín mươi một nghìn, một trăm bảy mươi tám đồng). Trong đó tiền gốc: 2.067.818.087đ, tiền lãi: 999.273.091đ.

**1.3.** Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật Công ty Cổ phần BT-I yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Công ty Cổ phần Q-Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**1.4.** Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần Q-Đ phải chịu: 93.341.824đ.

**1.5.** Hoàn cho Công ty Cổ phần BT-I: 40.317.000đ tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai thu số: 004827 ngày 06 tháng 4 năm 2012 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Đà Nẵng).

**1.6.** Hoàn cho Công ty Cổ phần Q-Đ: 36.678.000đ tạm ứng án phí phản tố đã nộp (theo biên lai thu số 002061 ngày 05 tháng 01 năm 2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Đà Nẵng) do yêu cầu của Công ty Cổ phần Q-Đ về việc bù trừ nghĩa vụ không phải là yêu cầu phản tố.

**1.7.** Chi phí kiểm toán:

Công ty Cổ phần Q-Đ phải chịu số tiền: 50.000.000đ (Công ty Cổ phần Q-Đ đã nộp, đã chi theo Phiếu thu số: T001 ngày 24/01/2015 của Chi nhánh Công ty TNHH T.D.K).

**2/ Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:**

Công ty Cổ phần Q-Đ phải chịu 2.000.000đ, được khấu trừ vào 2.000.000đ tạm ứng án phí (biên lai số: 0003492 ngày 26/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Đà Nẵng).

**3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên và được thi hành theo quy định tại Điều 02 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.**

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Đà Nẵng.
- TAND quận K.
- Chi cục THADS quận K.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Trương Chí Trung**

